TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 6 - 2024
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀNỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đỗ Thị Minh Loan**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Học**
Bà **Nguyễn Thu Hương**

Thư ký phiên toà: Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Đức Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình (Ly hôn) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Anh Nguyễn Đỗ T,** sinh năm 1994; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị **Đoàn Thị H**, sinh năm 2000; Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản khai tiếp theo của các bên đương sự tại Toà án, vụ án có nội dung như sau:

Anh Nguyễn Đỗ T và chị Đoàn Thị H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn cùng nhau trong hoàn cảnh cả hai anh chị đều đã từng kết hôn và đã ly hôn. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 03/02/2023. Sau khi kết hôn, chị H chuyển hộ khẩu và về chung sống cùng anh T tại thôn B, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh T trình bày: Anh và chị H chung sống hạnh phúc bình thường với nhau được khoảng vài tháng đầu sau đó thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị trái ngược tính cách, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ngoài ra, chị H không đi làm, chỉ quanh quẩn ở nhà nên kinh tế gia đình đều do anh gánh vác. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nói nhau, không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng. Bố mẹ anh có biết việc vợ chồng mâu thuẫn và khuyên giải nhưng không thay đổi được tình hình. Từ tháng 10/2023, chị H bảo với anh là đi làm ở nội thành Hà Nội, anh đồng ý. Thỉnh thoảng chị H mới về nhưng cũng không đưa tiền về, vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi vã. Anh bảo chị H về làm gần nhà nhưng chị H không chịu. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều tháng nay, do có sự khác biệt vùng miền nên vợ chồng không thể dung hòa được cuộc sống chung. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 26/4/2024, bố đẻ anh T là ông Nguyễn Đỗ Đ trình bày: Tháng 02/2023, anh T kết hôn cùng chị Đoàn Thị H, sinh năm 2000 là người ở xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, chị H về chung sống cùng anh T tại thôn B, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng ông cho các con ở riêng ngay nhà bên dưới của gia đình ông. Anh T1 và chị H chưa có con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng anh T1 chỉ vui vẻ với nhau được thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 và chị H không hợp tính cách nhau, có sự khác biệt về vùng miền, văn hóa nên thường xuyên xảy ra cãi nói nhau. Hơn nữa, chị H không có công ăn việc làm gì, chỉ quanh quẩn ở nhà. Ông cũng khuyên bảo các con là cố gắng bảo ban nhau làm ăn, phát triển kinh tế gia đình nhưng vẫn không thay đổi được tình hình. Tình trạng xảy ra cãi vã giữa anh T1 và chị H ngày càng nặng nề. Từ khoảng tháng 10/2023, chị H có xin phép gia đình đi làm ở nội thành Hà Nội. Chị H đi làm thỉnh thoảng mới về nhưng mỗi lần về vợ chồng lại tiếp tục cãi nhau, tình hình vợ chồng luôn căng thẳng. Ông cũng cố gắng hàn gắn tình cảm cho các con nhưng không thành nên anh T1 xin ly hôn, ông tôn trọng nguyện vọng của con. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T1 được ly hôn chị H để cả hai sớm ổn định cuộc sống vì hôn nhân của hai con không có hạnh phúc.

Theo biên bản xác minh ngày 22/04/2024 của Tòa án với ông Nguyễn Đỗ T2 - Trưởng thôn B, xã V, ông T2 cho biết như sau: Vợ chồng anh Nguyễn Đỗ T và chị Đoàn Thị H là người dân của địa phương. Chị H là người quê ở tỉnh Lâm Đồng kết hôn cùng anh T và về chung sống cùng anh T tại thôn B, xã V. Anh T1 và chị H không có con chung. Quá trình sống tại địa phương, ông có nghe phản ánh là anh T1 và chị H chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nói nhau. Chị H không có công ăn việc làm gì. Còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa anh chị thế nào thì ông không rõ. Từ nhiều tháng nay, anh T1 và chị H không còn chung sống cùng nhau nữa. Anh T1 vẫn sống tại địa phương còn chị H thì ông nghe nói là đi làm, thỉnh thoảng chị H và một lúc rồi lại đi chứ cũng không ở cùng anh T1.

Tại phiên tòa, anh T1 giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng pháp luật. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án đề nghị HĐXX xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Đỗ T được ly hôn chị Đoàn Thị H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Về án phí: Anh Tuấn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đỗ T. Bị đơn là chị Đoàn Thị H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn B, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không rõ lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đỗ T và chị Đoàn Thị H kết hôn do tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 03/02/2023 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, anh T và chị H đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày là do anh và chị H trái ngược tính cách, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, có sự khác biệt vùng miền nên vợ chồng không thể dung hòa được cuộc sống chung. Tòa án tiến hành lấy lời khai của bố đẻ anh T và xác minh tại địa phương đều được biết là vợ chồng anh T, chị H chung sống

không có hạnh phúc, hay xảy ra cãi vã. Từ nhiều tháng nay vợ chồng anh chị không còn chung sống cùng nhau nữa.

HĐXX nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho anh Nguyễn Đỗ T được ly hôn chị Đoàn Thị H.

[2.2]. Về con chung: Không có.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức và nợ: Anh T1 xác định không có nên không không đề cập xem xét giải quyết. Nếu chị H có yêu cầu sẽ được quyền khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Đỗ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án .

Xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đỗ T

+ Anh Nguyễn Đỗ T được ly hôn chị Đoàn Thị H.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Anh Tuấn xác định không có nên không đề cập giải quyết. Nếu chị H có yêu cầu sẽ được quyền khởi kiện để được giải quyết bằng một vụ án khác.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Đỗ T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013134 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

+ Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Đỗ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Đoàn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan